

Số: 10944 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

**Tổng kết Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ
về Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/TU
ngày 18/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết
số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng,
tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”
trên địa bàn tỉnh**

Ngày 16/4/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 2890/KH-UBND về việc thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 18/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”;

Căn cứ Kế hoạch số 2528/KH-BVHTTDL ngày 09/7/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổng kết Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”;

Nhằm tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ và Kế hoạch 85-KH/TU ngày 18/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổng kết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổng kết, đánh giá toàn diện về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, nêu rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân của thành công, hạn chế trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị những nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn tiếp theo.

b) Thông qua tổng kết Nghị quyết tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và trong cán bộ, đảng viên, nhân dân về vị trí, vai trò, tác dụng của thể dục, thể thao trong việc nâng cao sức khỏe thể lực, tầm vóc của người Việt Nam, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Yêu cầu

a) Việc tổng kết thực hiện Nghị quyết tiến hành từ các địa phương cấp xã, huyện, đến các sở, ngành cấp tỉnh.

b) Nội dung tổng kết phản ánh đúng thực tế, khách quan, trung thực, toàn diện, đánh giá cụ thể theo các nội dung mà Nghị quyết đề ra; không làm theo hình thức thống kê, báo cáo thành tích.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN TỔNG KẾT

1. Nội dung

a) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 18/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch số 2890/KH-UBND ngày 16/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành tổng kết và xây dựng báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết (Đề cương, phụ lục báo cáo kèm theo). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tổng kết Nghị quyết theo quy định. Nội dung báo cáo cần tập trung:

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết và sự chuyển biến về nhận thức, hành động; về vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Đánh giá việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết, công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, công tác xây dựng các văn bản chỉ đạo (Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Quyết định, Kế hoạch hành động...) thực hiện Nghị quyết của địa phương.

- Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện 06 nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết; có so sánh, đối chiếu với mục tiêu đề ra, từ đó, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, yếu kém; phân tích những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, yếu kém, những khó khăn, thách thức; những bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền những nhiệm vụ, giải pháp đột phá mới để phát triển thể dục, thể thao cho phù hợp với tình hình hiện nay.

b) Tổ chức khảo sát, tìm hiểu, trao đổi, nắm bắt tình hình thực tiễn ở một số địa phương; phát hiện, nhân rộng các mô hình triển khai thực hiện tốt Nghị quyết, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

c) Tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết và đề xuất, kiến nghị các giải pháp để phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao trong giai đoạn tiếp theo.

2. Hình thức tổng kết

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các đơn vị liên quan thuộc sở, ban, ngành, các cấp chính quyền tại địa phương tiến hành đánh giá, tổng kết tại đơn vị mình. Căn cứ kết quả báo cáo tổng kết Nghị quyết của các sở, ban, ngành, địa phương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Thời gian báo cáo

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo tổng kết trước ngày 22/9/2020 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp).

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ KINH PHÍ

1. Tiến độ thực hiện

Thời gian	Nhiệm vụ	Phân công đơn vị thực hiện/phối hợp
Tháng 9/2020	- UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổng kết. - Thành lập Ban soạn thảo, tổ biên tập.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Văn phòng UBND tỉnh.
Tháng 9/2020 đến ngày 22/9/2020	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở VHTTDL).	Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.
Tháng 9, 10/2020	Tổng hợp, xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo báo cáo tổng kết.	Ban soạn thảo, tổ biên tập.
Ngày 15/10/2020	Báo cáo Bộ VHTTDL.	Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm kinh phí tổng kết Nghị quyết của tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm kinh phí tổng kết Nghị quyết tại địa phương, đơn vị.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch

a) Chủ trì xây dựng báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết; tổ chức khảo sát, trao đổi, tổng hợp, xử lý các số liệu, báo cáo tổng kết của các sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể, đơn vị và địa phương, xây dựng báo cáo tổng kết Nghị quyết của tỉnh.

b) Làm đầu mối phối hợp các sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể, đơn vị liên quan và địa phương tiến hành tổng kết Nghị quyết và gửi báo cáo.

c) Xây dựng kế hoạch tổ chức tổng kết Nghị quyết.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết và Kế hoạch này tiến hành tổng kết Nghị quyết và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đảm bảo các yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết và Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 18/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành tổng kết Nghị quyết và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đảm bảo các yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ nhiệm vụ, nội dung của Nghị quyết và Kế hoạch này tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể, chỉ đạo tổ chức tổng kết Nghị quyết từ cơ sở và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đảm bảo các yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 về Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 18/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh; đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện và báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch) theo quy định./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VH,TT&DL;
- Tổng cục TDTT, Vụ TDTT Q/C;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể của tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hòa Hiệp



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 18/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”

(Kèm theo Kế hoạch số 10944/KH-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần thứ I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

1. Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 08-NQ/TW, Nghị quyết số 16/NQ-CP và Kế hoạch số 85-KH/TU (ghi rõ những hình thức tuyên truyền, phổ biến, số cuộc, số người tham dự...).

2. Công tác cụ thể hóa các Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thành Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch hành động gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị (tên, số lượng, nội dung văn bản).

3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết.

II. TĂNG CƯỜNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỂ DỤC, THỂ THAO

1. Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực thể dục thể thao.

2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý, các đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao.

3. Xây dựng, đổi mới cơ chế, chính sách trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

a) Huy động các nguồn lực để đầu tư, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên và xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao.

b) Hỗ trợ tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ vào hoạt động thể dục thể thao và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ thể dục, thể thao.

c) Phát triển kinh tế thể thao, khuyến khích hoạt động kinh doanh, sản xuất, tổ chức dịch vụ thể dục, thể thao.

d) Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục, thể thao trong quản lý, điều hành các hoạt động thể dục, thể thao; xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức xã

hội nghề nghiệp về thể dục, thể thao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao.

5. Hướng dẫn và kết quả thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch đất cho hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện thể dục, thể thao của nhân dân giai đoạn 2011 - 2020.

6. Chỉ đạo, triển khai thực hiện đấu tranh phòng chống tiêu cực trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

III. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO TRONG TRƯỜNG HỌC

1. Việc đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục thể chất, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên.

2. Kết quả công tác giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa và phát triển các hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

3. Công tác thành lập và hoạt động của các câu lạc bộ thể thao trường học, thực hiện chương trình phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh phổ thông.

4. Công tác phát triển các trường, lớp năng khiếu thể thao nhằm phát hiện, đào tạo tài năng thể thao quốc gia.

5. Công tác bồi dưỡng, phát huy năng lực của đội ngũ giáo viên thể dục, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục, thể thao trường học.

6. Công tác đầu tư xây dựng, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác giáo dục thể chất trong nhà trường và việc sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

7. Đánh giá vai trò, trách nhiệm, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học nói riêng, phục vụ thực hiện chiến lược xây dựng con người và phát triển văn hóa nói chung.

IV. MỞ RỘNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC, THỂ THAO QUẦN CHÚNG

1. Công tác phát triển đa dạng các loại hình tổ chức tập luyện thể dục, thể thao, phát triển các câu lạc bộ thể dục, thể thao cấp cơ sở, dịch vụ tập luyện thể dục thể thao; công tác đào tạo và xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở; công tác bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục, thể thao.

2. Quan tâm, phát triển phong trào thể dục, thể thao trong các đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật, công chức, viên chức và người lao động.

3. Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thể dục, thể thao công cộng.

V. NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO TÀI NĂNG THỂ THAO

1. Xây dựng, đào tạo và phát triển lực lượng vận động viên thể thao thành tích cao nói chung và các môn thể thao trọng điểm.
2. Công tác tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, nâng cao thành tích thể thao.
3. Đổi mới tổ chức, quản lý thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp; đẩy mạnh việc huy động nguồn lực của xã hội cho phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.
4. Công tác giáo dục văn hóa, chính trị tư tưởng, đạo đức, tác phong cho huấn luyện viên, vận động viên, hạn chế tiêu cực, bạo lực trong thi đấu thể thao.
5. Công tác bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao.

VI. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VÀ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên, giáo viên thể dục, thể thao.
2. Công tác đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý, nghiên cứu khoa học, y học thể thao, phục vụ tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, chữa trị phục hồi chức năng và đảm bảo dinh dưỡng cho vận động viên.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được.
2. Hạn chế, tồn tại.
3. Nguyên nhân.
 - a) Phân tích nguyên nhân của những mặt đã đạt được.
 - b) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.
4. Những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết.

VIII. BẢNG BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU (Phụ lục kèm theo)

TT	Đơn vị	Số phụ lục báo cáo
1	Các sở, ban, ngành	1, 2, 4, 10
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1, 2, 4, 10, 15
3	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1, 2, 4, 10, 16
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1, 2, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14
3	UBND các huyện, thành phố	1, 2A, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 14

Phần thứ II

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị, đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần chỉ đạo thực hiện để phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trong giai đoạn 2021- 2030:

1. Kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2. Kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Các kiến nghị, đề xuất khác./.

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng hợp số lượng văn bản đã ban hành để triển khai thực hiện
Nghị quyết số 08-NQ/CP của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 16-NQ/CP của Chính phủ
và Kế hoạch số 85-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Đơn vị tính: Số văn bản.

TT	Loại văn bản	Cấp huyện			Cấp xã		
		Huyện ủy, thành ủy	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Đảng ủy	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân
1	Nghị quyết						
2	Chỉ thị						
3	Chương trình hành động						
4	Hướng dẫn						
5	Kế hoạch						
6	Quyết định						
7	Các văn bản khác (nếu có)						
	Tổng số						

Tổng hợp ngân sách chi cho hoạt động thể dục, thể thao giai đoạn 2011 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Ngân sách chi cho hoạt động sự nghiệp TĐTT								
Trong đó								
Chỉ tiêu Năm	Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh			Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	
	Tổng số	Chi thường xuyên (nếu có)	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (nếu có)	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng số	Chi thường xuyên
1	2011							
2	2012							
3	2013							
4	2014							
5	2015							
6	2016							
7	2017							
8	2018							
9	2019							
10	2020 (ước đạt)							

Phụ lục 2A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng hợp ngân sách chi cho hoạt động thể dục, thể thao giai đoạn 2011 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng.

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN VỊ.....

Tổng hợp chỉ tiêu phát triển thể dục, thể thao quần chúng giai đoạn 2011 - 2020

Đơn vị tính: %

TT	Chỉ tiêu Năm	Số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên hàng năm (tỷ lệ % dân số)		Số gia đình tập luyện TDTT thường xuyên		Ghi chú
		Toàn huyện, thành phố	Vùng đồng bào dân tộc	Toàn huyện, thành phố	Vùng đồng bào dân tộc	
1	2011					
2	2012					
3	2013					
4	2014					
5	2015					
6	2016					
7	2017					
8	2018					
9	2019					
10	2020 (ước đạt)					

Đơn vị tính: Số công trình.

[illegible]

Tổng hợp công tác viên giai đoạn 2011 - 2020

Đơn vị tính: Số người.

TT	Chi tiêu Năm	Số công tác viên thể dục thể thao		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nữ	
1	2011			
2	2012			
3	2013			
4	2014			
5	2015			
6	2016			
7	2017			
8	2018			
9	2019			
10	2020 (ước đạt)			

Phụ lục 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN VỊ.....

Tổng hợp cơ sở, tổ chức hoạt động thể dục thể thao giai đoạn 2011 - 2020

Đơn vị tính: Số người.

TT	Chỉ tiêu Năm	Cơ sở, tổ chức hoạt động thể dục, thể thao người khuyết tật	Cơ sở hoạt động thể thao, câu lạc bộ thể thao	Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao	Ghi chú
1	2011				
2	2012				
3	2013				
4	2014				
5	2015				
6	2016				
7	2017				
8	2018				
9	2019				
10	2020 (ước đạt)				

**Tổng hợp xã, phường, thị trấn dành đất cho hoạt động
thể dục, thể thao giai đoạn 2011 - 2020**

Đơn vị tính: %

TT	Chỉ tiêu Năm	Xã, phường, thị trấn dành đất cho hoạt động thể dục, thể thao	Xã, phường, thị trấn có bể bơi, sân bóng đá, nhà tập luyện thể dục, thể thao	Ghi chú
1	2011			
2	2012			
3	2013			
4	2014			
5	2015			
6	2016			
7	2017			
8	2018			
9	2019			
10	2020 (ước đạt)			

Đơn vị tính: Lượt người.

[illegible]

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng hợp huấn luyện viên và trọng tài thể thao thành tích cao giai đoạn 2011 - 2020

Đơn vị tính: Người.

TT	Chỉ tiêu Năm	Huấn luyện viên			Trọng tài			Ghi chú
		Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	Tổng số	Cấp quốc gia	Cấp quốc tế	
1	2011							
2	2012							
3	2013							
4	2014							
5	2015							
6	2016							
7	2017							
8	2018							
9	2019							
10	2020 (ước đạt)							

Đơn vị tính: Giải thể thao.

[illegible]

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng hợp số lượng huy chương quốc tế giai đoạn 2011 - 2020

Đón vị tính: Giải thể thao.

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2

[illegible]

**Tổng hợp Liên đoàn, Hiệp hội thể thao của địa phương,
đơn vị giai đoạn 2011 - 2020**

Đơn vị tính: Số tổ chức.

TT	Chi tiêu Năm	Tổng số	Ghi chú (tích vào các liên đoàn đã thành lập ở địa phương)
1	2011		☐ Liên đoàn Võ thuật cổ truyền
2	2012		☐ Liên đoàn Taekwondo
3	2013		☐ Liên đoàn Cầu lông
4	2014		☐ Liên đoàn Vovinam
5	2015		☐ Liên đoàn Quần vợt
6	2016		☐ Hội Golf
7	2017		☐ Liên đoàn Bóng bàn
8	2018		☐ Hội Cờ đồng viên bóng đá
9	2019		
10	2020 (ước đạt)		

Tổng hợp số câu lạc bộ thể dục thể thao giai đoạn 2010 - 2020

Đơn vị tính: Số câu lạc bộ.

TT	Chỉ tiêu Năm	Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Câu lạc bộ thể thao tại khu dân cư	Câu lạc bộ thể thao trường học	Câu lạc bộ thể thao trong cơ quan, đơn vị
1	2011				
2	2012				
3	2013				
4	2014				
5	2015				
6	2016				
7	2017				
8	2018				
9	2019				
10	2020 (ước đạt)				

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu thống kê chỉ tiêu phát triển thể dục, thể thao trường học giai đoạn 2011 - 2020
(áp dụng với Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: %

TT	Chỉ tiêu		Số trường phổ thông đầy đủ chương trình giáo dục thể chất	Số trường có Câu lạc bộ thể dục thể thao có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao	Số trường phổ thông có đủ giáo viên và Hướng dẫn viên thể dục thể thao thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa	Số học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể	Số trường phổ thông đưa môn Bơi vào chương trình học ngoại khóa	Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện giáo dục chính khóa	Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện giáo dục ngoại khóa
	Năm								
1	2011								
2	2012								
3	2013								
4	2014								
5	2015								
6	2016								
7	2017								
8	2018								
9	2019								
10	2020 (ước đạt)								

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu thống kê chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang giai đoạn 2011 - 2020
(áp dụng với ngành Quân đội và Công an)

Đơn vị tính: %

TT	Chỉ tiêu Năm	Số cán bộ, chiến sĩ kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo từng quân, binh chủng	Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	Ghi chú
1	2011				
2	2012				
3	2013				
4	2014				
5	2015				
6	2016				
7	2017				
8	2018				
9	2019				
10	2020 (ước đạt)				